

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TL
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 15 - 3 - 2023

V/v “Tranh chấp ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TL, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Ngọc Diễm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Minh Hiền

2. Ông Lý Hồng Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Tiên, Thư ký Tòa án nhân dân huyện TL.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TL, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Bích Liên, Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 3 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện TL, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 293/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2022 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1992

Địa chỉ: Ấp A, xã AH, huyện CB, tỉnh Tiền Giang

- Bị đơn: Anh Nguyễn Thành Q, sinh năm 1982

Địa chỉ: Ấp TT, xã TT, huyện TL, thành phố Cần Thơ.

(Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị và anh Nguyễn Thành Q chung sống, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật vào năm 2020. Anh chị có 01 người con chung tên Nguyễn Đăng K, sinh ngày 21/4/2022. Vợ chồng chị tự nguyện tìm hiểu và yêu thương nhau, sau đó thì kết hôn và chung sống. Sau khi cưới nhau thì vợ chồng sinh sống tại nhà chị chồng (ở nhờ), sau đó ở nhà thuê. Trong thời gian chung sống anh Q có biểu hiện vô tâm, không lo lắng cho gia đình. Anh Q thường xuyên đi nhậu và không quan tâm chị. Đến khi chị có thai, anh Q không quan tâm lo lắng nên bản thân cảm

thấy buồn tủi và đỉnh điểm của sự rạn nứt quan hệ hôn nhân bắt nguồn từ đó. Khi đang mang thai cháu K khoảng 05 tháng thì chị đã về nhà cha mẹ ruột sinh sống tại Ấp A, xã AH, huyện CB, tỉnh Tiền Giang. Trong thời gian chị sinh sống tại nhà cha mẹ ruột thì anh Q có đến thăm con nhưng cũng không có thiện chí hàn gắn quan hệ hôn nhân với chị. Lâu dần, chị cảm thấy không còn tình cảm với anh Q nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Q. Chị không đồng ý quay về đoàn tụ với anh Q. Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu K và không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con. Công việc của chị là bán quán ăn, thu nhập tương đối ổn định. Chị với anh Q không tạo lập được tài sản chung và cũng không có nợ ai nên không yêu cầu giải quyết.

Anh Nguyễn Thành Q Có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp TT, xã TTh, huyện TL, thành phố Cần Thơ. Anh Q sống cùng mẹ là bà Khổng Thị Tr. Tòa án có tiến hành giao các thủ tục tố tụng tại nơi anh Q đăng ký hộ khẩu thường trú. Mẹ và cháu anh Q nhận thay và cam kết giao lại cho anh Q. Tuy nhiên, anh Q vắng mặt và cũng không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị T.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến và đề nghị:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ các quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 luật hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị T đối với anh Nguyễn Thành Q. Giao cháu Nguyễn Đăng K, sinh ngày 21/4/2022 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung, không có nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Thành Q có địa chỉ thường trú tại ấp TT, xã TTh, huyện TL, thành phố Cần Thơ. Căn cứ Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TL.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Thành Q có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Hôn nhân giữa chị T và anh Q là tự nguyện và hợp pháp. Chị T xác định hiện nay chị không còn tình cảm với anh Q, đã không còn chung sống với anh Q và không đồng ý quay về đoàn tụ với anh Q. Chị T đã về nhà cha mẹ ruột sinh sống, anh Q cũng sống cùng gia đình mẹ ruột. Anh Q đã được thông báo, triệu tập nhưng không đến làm việc theo

giấy triệu tập của Tòa án, cũng không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu ly hôn của chị T. Điều đó cho thấy, đời sống hôn nhân giữa chị T và anh Q đã lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể hàn gắn, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh Q.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Thành Q có 01 người con chung tên Nguyễn Đăng K, sinh ngày 21/4/2022. Hiện nay cháu K đang sống cùng chị T. Chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu K. Cháu K chưa đủ 07 tuổi nên không ghi nhận ý kiến của cháu. Hội đồng xét xử xét thấy, để đảm bảo cho sự phát triển T sinh lý bình thường của cháu K, nhằm không làm xáo trộn cuộc sống hiện tại của cháu, Hội đồng xét xử tiếp tục giao cháu K cho chị T nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Q có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

[4] Chị Nguyễn Thị T không yêu cầu anh Nguyễn Thành Q cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T xác định chị và anh Q không có nợ chung và tài sản chung nên không yêu cầu giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị T đối với anh Nguyễn Thành Q.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Đăng K, sinh ngày 21/4/2022 cho chị Nguyễn Thị T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc. Anh Nguyễn Thành Q được quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng. Chị T đã dự nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0005879 ngày 05/12/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện TL được chuyển thu án phí.

4. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND TPCT;
- VKSND huyện TL;
- Cơ quan THA huyện TL;
- Lưu: HS; VT-TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Ngọc Diễm